TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** THÀNH PHỐ HÀ NỘI ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 19/2019/KDTM - ST
Ngày: 04/9/2019
V/v : "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Hòa
2. Ông Dương Xuân Đính.
- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Nguyệt - Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và 04 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở toà án nhân dân huyện Đông Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 47/2019/ KDTM - ST ngày 26 tháng 4 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐST - KDTM ngày 06/8/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐST-KDTM ngày 22 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

<u>Nguyên đơn</u>: Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà Capital Tower, số 109 phố Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:

Ông ***Phạm Huy T*** - *Tổng Giám Đốc GP Bank.*

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

Ông ***Nguyễn Thế H*** - *Phó Giám Đốc phụ trách Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu - Chi nhánh Thăng Long - Phòng Giao dịch Trung tâm Đông Anh.*

(Theo Giấy uỷ quyền số: 09/2017/UQ-TGĐ ngày 16/02/2017 của Tổng Giám Đốc ngân hàng TM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu).

Người được ông Hưng ủy quyền lại:

1. Bà ***Nguyễn Thị H***- *Phó giám đốc - Phòng Giao dịch Trung tâm - Phòng Giao dịch GPBank Đông Anh*

2. Ông ***Nguyễn Việt L*** - *Nhân viên kinh doanh - Phòng Giao dịch Trung tâm - Phòng Giao dịch GPBank Đông Anh.*

(*Theo giấy ủy quyền số 180302/2019/UQ-GĐPĐA ngày 18/3/2019 của Ông Nguyễn Thế Hưng)*

Bị đơn: 1. Ông ***Hoàng Hữu D***, sinh năm 1977

2. Bà ***Nguyễn Thị T***, sinh năm 1987 *(vợ ông Dũng).*

Đều có HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, Hà Nội

Đều có nơi ở: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, Hà Nội

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu ***Hoàng Châu A*** - sinh năm 2009 (*con ông D, bà T*)

2. Cháu ***Hoàng Tùng*** - sinh năm 2011 (*con ông D, bà T*)

Đều có HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, Hà Nội

Đều có nơi ở: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, Hà Nội

(*Ông D bà T là người đại diện theo pháp luật của cháu Hoàng Châu A, Hoàng Tùng A*)

Có mặt : bà H, bà T.

Vắng mặt: ông D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] ***Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày***:

Ngày 07/7/2014, vợ chồng ông D, bà T và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu Khí Toàn Cầu (sau đây viết tắt là GPbank) đã ký Hợp đồng tín dụng số 0164/2014/TLD/HĐTD và Khế ước nhận nợ số 0164/2014/TLD/KUNN01 để vay 130.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn sản xuất kinh doanh; Thời hạn vay: 12 tháng.

Ngày 22/9/2014 ký Hợp đồng tín dụng số 0272/2014/TLD/HĐTD và Khế ước số 0272/2014/TLD/KUNN01để vay 500.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn sản xuất kinh doanh; Thời hạn vay: 12 tháng.

Tổng cộng 02 khoản vay là 630.000.000 (*sáu trăm ba mươi triệu) đồng*.

Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng 01 lần vào ngày 10 hàng tháng. Lãi suất kỳ đầu tiên là 13%/năm. Lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo được xác định bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ + biên độ theo quy định của GPbank tại thời điểm giải ngân/điều chỉnh. Kỳ hạn điều chỉnh lãi suất trên từng khế ước nhận nợ hoặc cách thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của GPbank tại từng thời kỳ, đối với cả 02 hợp đồng tín dụng nêu trên.

Để đảm bảo cho 02 khoản vay trên, ngày 10/10/2012, GPbank và vợ chồng ông D, bà T đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số: 0011/2012/HĐTC/GPB-TLD tại Văn phòng Công chứng Trung Tâm tại thị trấn Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Theo Hợp đồng này thì vợ chồng ông D, bà T thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 57; tờ bản đồ số 03, có địa chỉ tại: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội, đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội

cấp "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số AK 763967 ngày 01/08/2008 mang tên ông Hoàng Hữu D.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông D và bà T không trả được cho GPbank đồng nào. Tính đến ngày 20/5/2019, ông D và bà T còn nợ cụ thể như sau:

Theo Hợp đồng tín dụng số 0164/2014/TLD/HĐTD và khế ước nhận nợ số 0164/2014TLD/KUNN01 ngày 07/7/2014: Nợ gốc: 130.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 13.848.611 đồng; Nợ lãi quá hạn: 111.090.476 đồng. Tổng cộng: ***254.939.087*** đồng.

Theo Hợp đồng tín dụng số 0272/2014/TLD/HĐTD và khế ước nhận nợ số 0272/2014TLD/KUNN01 ngày 22/9/2014: Nợ gốc: 500.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 65.651.245 đồng; Nợ lãi quá hạn: 415.273.698 đồng. Tổng cộng: ***980.924.943*** đồng.

Tại phiên tòa, GPbank yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đông Anh giải quyết:

1. Buộc vợ chồng ông Dũng, bà Thìn thanh toán tổng số nợ còn thiếu tính đến hết ngày 03/9/2019 là ***1.276.601.153*** *(một tỉ hai trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm linh một nghìn, một trăm năm mươi ba)* đồng. Cụ thể như sau:

Theo Hợp đồng tín dụng số 0164/2014/TLD/HĐTD và khế ước nhận nợ số 0164/2014TLD/KUNN01 ngày 07/7/2014: Nợ gốc: 130.000.000 (*một trăm ba mươi triệu*) đồng; Nợ lãi trong hạn: 13.848.611 (*mười ba triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn, sáu trăm mười một*) đồng; Nợ lãi quá hạn: 106.962.917 (*một trăm linh sáu triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm mười bảy)* đồng; Phạt chậm trả lãi: 12.386.817 (*mười hai triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn, tám trăm mười bảy*) đồng. Tổng cộng: ***263.198.399*** (*hai trăm sáu mươi ba triệu, một trăm chín mươi tám nghìn, ba trăm chín mươi chín*) đồng. Kể từ ngày 04/9/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc thì ông D và bà T còn phải trả khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trong hợp đồng tín dụng nêu trên.

Theo Hợp đồng tín dụng số 0272/2014/TLD/HĐTD và khế ước nhận nợ số 0272/2014TLD/KUNN01 ngày 22/9/2014: Nợ gốc: 500.000.000 (*năm trăm triệu*) đồng; Nợ lãi trong hạn: 65.651.245 (*sáu mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi mốt nghìn, hai trăm bốn mươi lăm*) đồng; Nợ lãi quá hạn: 390.541.667 (*ba trăm chín mươi triệu, năm trăm bốn mươi mốt nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy*) đồng; Phạt chậm trả lãi: 57.209.842 (*năm mươi bảy triệu, hai trăm linh chín nghìn, tám trăm bốn mươi hai*) đồng. Tổng cộng: ***1.013.402.754*** (*một tỉ không trăm mười ba triệu, bốn trăm linh hai nghìn, bảy trăm năm mươi tư)* đồng. Kể từ ngày 04/9/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc thì ông D và bà T còn phải trả khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trong hợp đồng tín dụng nêu trên.

2. Kể từ ngày bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông D bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì GPbank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 03, thôn Đ, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội đã được Ủy ban

nhân dân huyện Đ cấp "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số AK 763967 ngày 01/8/2008 đứng tên ông Hoàng Hữu D.

3. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông D bà T đối với GPbank. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông D bà T vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho GPbank.

[2] ***Quan điểm của bị đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:***

Do cần bổ sung vốn sản xuất kinh doanh nên ngày 07/7/2014, vợ chồng bà và GPbank đã ký Hợp đồng tín dụng số 0164/2014/TLD/HĐTD để vay 130.000.000 đồng và ngày 22/9/2014 ký Hợp đồng tín dụng số 0272/2014/TLD/HĐTD để vay 500.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 khoản vay là 630.000.000 đồng. Sau khi ký HĐTD, vợ chồng bà đã nhận nợ theo Khế ước nhận nợ số 0164/2014/TLD/KUNN01 ngày 07/7/2014 và Khế ước số 0272/2014/TLD/KUNN01 ngày 22/9/2014 như phần trình bày của đại diện Gpbank là đúng.

Để đảm bảo cho 02 khoản vay trên, ngày 10/10/2012, tại Văn phòng Công chứng Trung Tâm tại thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội vợ chồng bà đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 0011/2012/HĐTC/GPB-TLD với GPbank. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 57; tờ bản đồ số 03, có địa chỉ tại thôn Đ, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội cấp "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số AK 763967 ngày 01/08/2008 mang tên ông Hoàng Hữu D. Tài sản trên được thế chấp để đảm bảo duy nhất cho khoản vay của vợ chồng bà tại GPbank.

Từ sau khi vay nợ đến nay, việc trả nợ Ngân hàng là do ông D thực hiện nên bà không nắm được cụ thể đã trả được cho Ngân hàng như thế nào.

Nay GPbank yêu cầu vợ chồng bà phải trả:

Theo Hợp đồng tín dụng số 0164/2014/TLD/HĐTD và khế ước nhận nợ số 0164/2014TLD/KUNN01 ngày 07/7/2014: Nợ gốc: 130.000.000 (*một trăm ba mươi triệu*) đồng; Nợ lãi trong hạn: 13.848.611 (*mười ba triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn, sáu trăm mười một*) đồng; Nợ lãi quá hạn: 106.962.917 (*một trăm linh sáu triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm mười bảy)* đồng; Phạt chậm trả lãi: 12.386.817 (*mười hai triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn, tám trăm mười bảy*) đồng. Tổng cộng: ***263.198.399*** (*hai trăm sáu mươi ba triệu, một trăm chín mươi tám nghìn, ba trăm chín mươi chín*) đồng. Kể từ ngày 04/9/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc thì vợ chồng bà còn phải trả khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trong hợp đồng tín dụng nêu trên.

Theo Hợp đồng tín dụng số 0272/2014/TLD/HĐTD và khế ước nhận nợ số 0272/2014TLD/KUNN01 ngày 22/9/2014: Nợ gốc: 500.000.000 (*năm trăm triệu*) đồng; Nợ lãi trong hạn: 65.651.245 (*sáu mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi mốt nghìn, hai trăm bốn mươi lăm*) đồng; Nợ lãi quá hạn: 390.541.667 (*ba trăm chín mươi triệu, năm trăm bốn mươi mốt nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy*) đồng; Phạt chậm

trả lãi: 57.209.842 (*năm mươi bảy triệu, hai trăm linh chín nghìn, tám trăm bốn mươi hai*) đồng. Tổng cộng: ***1.013.402.754*** (*một tỉ không trăm mười ba triệu, bốn trăm linh hai nghìn, bảy trăm năm mươi tư)* đồng. Kể từ ngày 04/9/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc thì vợ chồng bà còn phải trả khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trong hợp đồng tín dụng nêu trên.

Nếu vợ chồng bà không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì sẽ phát mại tài sản bảo đảm mà vợ chồng bà đã thế chấp cho Ngân hàng thì bà có ý kiến xác định: Hiện nay vợ chồng bà làm ăn vẫn gặp nhiều khó khăn, không thể trả ngay được cho Ngân hàng, nên bà đề nghị Ngân hàng miễn cho vợ chồng bà toàn bộ tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và phạt chậm trả lãi đối với cả 02 hợp đồng tín dụng nêu trên; Đề nghị ngân hàng cho vợ chồng bà trả toàn bộ nợ gốc. Nếu Ngân hàng chấp nhận như thế thì vợ chồng bà sẽ cố gắng vay mượn để trả toàn bộ số nợ gốc cho Ngân hàng, xin rút sổ đỏ về để bán đất rồi trả cho những người đã vay để trả cho Ngân hàng.

Nguồn gốc nhà đất vợ chồng bà thế chấp cho Ngân hàng là do bố mẹ ông D tặng cho ông D. Đất ở và tài sản trên đất thế chấp từ khi thế chấp đến nay vẫn nguyên trạng, không có gì thay đổi. Trên nhà đất đã thế chấp kể từ thời điểm thế chấp cho đến nay gồm có vợ chồng bà và 02 con chung là: cháu Hoàng Châu A - sinh năm 2009 và cháu Hoàng Tùng A - sinh năm 2011 sinh sống, ngoài ra không có ai khác.

Bà không có ý kiến gì đối với các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và Hợp đồng thế chấp mà vợ chồng bà đã ký kết để vay vốn của Ngân hàng, vì việc ký các hợp đồng đó là do vợ chồng bà hoàn toàn tự nguyện; Thủ tục ký kết được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, vợ chồng bà cũng không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình làm ăn, ngoài vay tiền của Ngân hàng thì chồng bà còn vay của những người ngoài xã hội. Sau khi làm ăn thua lỗ, không có tiền trả cho họ nên ông D phải trốn nợ, đi làm ăn xa, bà cũng không biết ông D làm ăn ở đâu, chỉ thỉnh thoảng ông D mới về ban đêm rồi lại đi sớm. Việc Ngân hàng khởi kiện, Tòa án thụ lý vụ án, hòa giải và xét xử, ông D đều nắm được do bà thông báo nhưng ông D không thể đến Tòa án làm việc bởi vì sợ những người cho vay biết được sẽ bắt nợ. Vợ chồng bà có bàn bạc với nhau, chung quan điểm là xin Ngân hàng miễn toàn bộ tiền lãi cho ông bà để ông bà chỉ trả toàn bộ số nợ gốc.

[3] ***Bị đơn là ông Hoàng Hữu D:*** Trong toàn bộ quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông D nhưng ông D không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không lấy được lời khai của ông D. Tuy nhiên bà T khẳng định mọi văn bản tố tụng do Tòa án giao, bà đều thông báo cho ông D và ông D đều nắm được. Do ông D nợ nần nhiều nên không dám xuất hiện ở địa phương chứ không có ý chống đối việc giải quyết vụ án. Bà T khẳng định ông D và bà đều thống nhất ý kiến, quan điểm với nhau, mọi ý kiến quan điểm của bà cũng là ý kiến, quan điểm của ông D.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của người tham gia tố tụng, của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Gpbank về việc buộc vợ chồng ông D, bà T phải trả toàn bộ các khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký kết; Không chấp nhận yêu cầu của Gpbank về việc buộc vợ chồng ông Dũng, bà Thìn phải trả khoản tiền phạt chậm trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ việc hỏi tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật***:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu Khí Toàn Cầu có đăng ký kinh doanh số 2700113651 do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/6/2006, thay đổi lần thứ 15 ngày 20/6/2018, địa chỉ trụ sở tại: Toà nhà Capital Tower số 109 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Huy Thông - Tổng giám đốc cùng với với vợ chồng ông Hoàng Hữu D, bà Nguyễn Thị T là chủ hộ kinh doanh đã ký kết các hợp đồng tín dụng để vay tiền nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh. Ông Hoàng Hữu D, bà Nguyễn Thị T cùng cư trú tại thôn Đ, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Như vậy, các bên đều đủ tư cách và có quyền ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh doanh thương mại và tham gia tố tụng để giải quyết tranh chấp phát sinh từ các hợp đồng đã ký kết. Tòa án nhân dân huyện Đông Anh thụ lý và giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 30, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] ***Về việc xét xử vắng mặt đương sự***:

Tòa án nhân dân huyện Đông Anh đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự, nhưng ông Hoàng Hữu D vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Dũng là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] ***Xét yêu cầu của nguyên đơn***:

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Gpbank yêu cầu:

[3.1] Yêu cầu vợ chồng ông Hoàng Hữu Dũng, bà Nguyễn Thị T phải trả các khoản tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi cụ thể như sau:

[3.1.1] Đối với Hợp đồng tín dụng số 0164/2014/TLD/HĐTD và khế ước nhận nợ số 0164/2014TLD/KUNN01 ngày 07/7/2014: Theo bản giải trình của GPbank giao nộp thể hiện: Kể từ ngày 07/7/2014 đến ngày 09/9/2014 ông Dũng và bà Thìn mới trả được 3.286.111 đồng tiền lãi trong hạn và kể từ ngày 15/8/2014 đến ngày 01/11/2014 ông D và bà T mới trả được 13.848.611 đồng nợ lãi quá hạn. Từ đó đến nay ông D và bà T không trả được thêm đồng nào. Tính đến hết ngày 07/7/2015 ông D và bà T còn nợ Ngân hàng: Tiền lãi trong hạn là 13.848.611 đồng và tiền lãi quá hạn là 104.779.117 đồng. Do ông D và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 08/7/2015 Gpbank đã chuyển toàn bộ khoản nợ chưa trả sang nợ quá hạn.

Như vậy tính đến hết ngày 03/9/2019 ông D và bà T còn nợ Gpbank các khoản như sau: Nợ gốc: 130.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 13.848.611 đồng; Nợ lãi quá hạn: 106.962.917 đồng. Tổng cộng: ***250.811.528*** đồng.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ thì lãi suất của kỳ trả nợ đầu tiên là 13%/năm và lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là 19,5%/năm. Tại bảng kê tính lãi thể hiện kể từ kỳ trả nợ đầu tiên cho đến nay thì lãi suất trong hạn và quá hạn không thay đổi, mức lãi suất này phù hợp các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Xét thấy GP bank yêu cầu buộc ông D và bà T phải trả tổng số ***250.811.528*** đồng tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số 0164/2014/TLD/HĐTD và khế ước nhận nợ số 0164/2014TLD/KUNN01 ngày 07/7/2014 là hoàn toàn phù hợp với cách tính tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng; Phù hợp với quy định tại các Điều 51, 52, 53, 54, 60 Luật Các tổ chức tín dụng và phù hợp với Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, do vậy yêu cầu này của GPbank được chấp nhận.

Đối với yêu cầu buộc ông D, bà T phải trả 12.396.971 đồng tiền phạt chậm trả lãi, xét thấy: Theo quy định tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: "Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả khoản tiền lãi trên nợ gốc chưa trả và khoản tiền lãi nợ quá hạn theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ". Mặt khác do ông D, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết của hợp đồng tín dụng nên đã phải chịu phạt về việc trả lãi với mức lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Do vậy yêu cầu này của GPbank không được chấp nhận.

[3.1.2] Đối với Hợp đồng tín dụng số 0272/2014/TLD/HĐTD và khế ước nhận nợ số 0272/2014TLD/KUNN01 ngày 22/9/2014: Theo bản giải trình của GPbank giao nộp thể hiện: Kể từ ngày 22/9/2014 đến ngày 15/10/2014 ông D và bà T mới trả được 251.533 đồng tiền lãi trong hạn và kể từ ngày 16/10/2014 đến nay ông D và bà T chưa trả được bất kỳ một khoản tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn nào. Tính đến hết ngày 22/9/2015 ông D và bà T còn nợ Gpbank cụ thể như sau: Nợ lãi trong hạn là 65.651.245 đồng và nợ lãi quá hạn là 390.455.745 đồng. Do ông D và bà T đã

vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 22/9/2015 Gpbank đã chuyển toàn bộ khoản nợ chưa trả sang nợ quá hạn.

Như vậy tính đến hết ngày 03/9/2019 ông D và bà T còn nợ Gpbank các khoản như sau: Nợ gốc: 500.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 65.651.245 đồng; Nợ lãi quá hạn: 390.541.667 đồng. Tổng cộng: ***956.192.922*** đồng.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ thì lãi suất của kỳ trả nợ đầu tiên là 13%/năm và lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là 19,5%/năm. Tại bảng kê tính lãi thể hiện kể từ kỳ trả nợ đầu tiên cho đến nay thì lãi suất trong hạn và quá hạn không thay đổi, mức lãi suất này phù hợp các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Xét thấy GP bank yêu cầu buộc ông D và bà T phải trả tổng số ***956.192.922*** đồng tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số 0272/2014/TLD/HĐTD và khế ước nhận nợ số 0272/2014TLD/KUNN01 ngày 22/9/2014 là hoàn toàn phù hợp với cách tính tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng; Phù hợp với quy định tại các Điều 51, 52, 53, 54, 60 Luật Các tổ chức tín dụng và phù hợp với Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, do vậy yêu cầu này của GPbank được chấp nhận.

Đối với yêu cầu buộc ông D, bà T phải trả 57.209.842 đồng tiền phạt chậm trả lãi, xét thấy: Theo quy định tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: "Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả khoản tiền lãi trên nợ gốc chưa trả và khoản tiền lãi nợ quá hạn theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ". Mặt khác do ông D, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết của hợp đồng tín dụng nên đã phải chịu phạt về việc trả lãi với mức lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Do vậy yêu cầu này của GPbank không được chấp nhận.

Như vậy tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn theo 02 hợp đồng tín dụng nêu trên vợ chồng ông Hoàng Hữu D và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Gpbank là: 956.192.922 đồng + 250.811.528 đồng **= *1.207.004.450*** đồng.

[3.2] ***Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất***:

Thửa đất số 57; tờ bản đồ số 03, có địa chỉ tại: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội, đã được Ủy ban nhân dân huyện Đô, Thành phố Hà Nội cấp "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số AK 763967 ngày 01/08/2008 mang tên ông Hoàng Hữu D. Ngày 10/10/2012 tại Văn phòng Công chứng Trung Tâm tại thị trấn Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội vợ chồng ông Hoàng Hữu D, bà Nguyễn Thị T đã cùng Gpbank ký Hợp đồng thế chấp tài sản số: 0011/2012/HĐTC/GPB-TLD. Theo đó ông D, bà T đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất nêu trên để đảm bảo cho khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 0164/2014/TLD/HĐTD, khế ước nhận nợ số 0164/2014TLD/KUNN01 ngày 07/7/2014 và Hợp đồng tín dụng số 0272/2014/TLD/HĐTD, khế ước nhận nợ số 0272/2014TLD/KUNN01 ngày 22/9/2014 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh Đông Anh ngày 12/10/2012 theo đúng

quy định tại Điều 298 Bộ luật dân sự, do vậy hợp đồng thế chấp tài sản có hiệu lực pháp luật thi hành đối với các bên tham gia ký kết.

Theo quy định tại Điều 336; Điều 338 và Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005 thì kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Hoàng Hữu D và bà Nguyễn Thị T không trả đủ các khoản nợ nêu trên thì Gpbank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 57; tờ bản đồ số 03, có địa chỉ tại: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội để thu hồi nợ.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Dũng bà Thìn đối với GPbank. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông D và bà T vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho GPbank.

[4] ***Về án phí kinh doanh thương mại*:**

Vợ chồng ông Hoàng Hữu D và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội là: 36.000.000 đồng + 3% (1.207004.450 đồng - 800.000.000 đồng) = 48.210.000 (*bốn mươi tám triệu, hai trăm mười nghìn*) đồng.

- GPbank phải chịu án phí đối với một phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận theo quy định tại 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội là: 5% x (57.209.842 đồng + 12.396.971 đồng) = 3.480.000 (*ba triệu bốn trăm tám mươi nghìn*) đồng.

- Trả lại cho GPbank số tiền tạm ứng án phí 20.754.000 (*hai mươi triệu, bảy trăm năm mươi tư nghìn*) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0008443 ngày 24/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

[5] ***Về quyền kháng cáo:*** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 336; Điều 338; Điều 355; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Điều 51, 52, 53, 54, 60 Luật Các tổ chức tín dụng.

- Khoản 1 Điều 30; Điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

<u>Xử</u>:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu Khí Toàn Cầu (Gpbank) với vợ chồng ông Hoàng Hữu D và bà Nguyễn Thị T.

2. Xác định vợ chồng ông Hoàng Hữu D và bà Nguyễn Thị T còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu Khí Toàn Cầu tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn tính đến hết ngày 03/9/2019 là ***1.207.004.450*** (một tỷ, hai trăm linh bảy triệu, không trăm linh bốn nghìn, bốn trăm năm mươi) đồng. Trong đó:

- Theo Hợp đồng tín dụng số 0164/2014/TLD/HĐTD và khế ước nhận nợ số 0164/2014TLD/KUNN01 ngày 07/7/2014: Nợ gốc: 130.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 13.848.611 đồng; Nợ lãi quá hạn: 106.962.917 đồng.

- Theo Hợp đồng tín dụng số 0272/2014/TLD/HĐTD và khế ước nhận nợ số 0272/2014TLD/KUNN01 ngày 22/9/2014: Nợ gốc: 500.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 65.651.245 đồng; Nợ lãi quá hạn: 390.541.667 đồng.

3. Buộc vợ chồng ông Hoàng Hữu D và bà Nguyễn Thị T thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu Khí Toàn Cầu tổng số tiền tính đến hết ngày 03/9/2019 là ***1.207.004.450*** (một tỷ, hai trăm linh bảy triệu, không trăm linh bốn nghìn, bốn trăm năm mươi) đồng

Kể từ ngày 04/9/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ nêu trên, vợ chồng ông Hoàng Hữu D và bà Nguyễn Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0272/2014/TLD/HĐTD ngày 22/9/2014 và Hợp đồng tín dụng số 0164/2014/TLD/HĐTD ngày 07/7/2014.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu vợ chồng ông Hoàng Hữu D và bà Nguyễn Thị T không trả đủ các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu Khí Toàn Cầu có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 57; tờ bản đồ số 03, có địa chỉ tại: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội, đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội cấp "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số AK 763967 ngày 01/08/2008 mang tên ông Hoàng Hữu D.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông D bà T đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu Khí Toàn Cầu. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu Khí Toàn Cầu, thì vợ chồng ông Hoàng Hữu D và bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết các khoản nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ông Hoàng Hữu D và bà Nguyễn Thị T liên đới phải chịu 48.210.000 (bốn mươi tám triệu, hai trăm mười nghìn) đồng.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu Khí Toàn Cầu phải chịu 3.480.000 (ba triệu, bốn trăm tám mươi nghìn) đồng.

- Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu Khí Toàn Cầu số tiền tạm ứng án phí là 20.754.000 (hai mươi triệu, bảy trăm năm mươi tư nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0008443 ngày 24/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

6. Về quyền kháng cáo:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu Khí Toàn Cầu và bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Hoàng Hữu D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phi Hùng

Nơi nhận:
- *VKSND Đông Anh;*
- *TAND TP. Hà Nội;*
- *THADS huyện Đông Anh;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phi Hùng